TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 937/2024/HS-PT
Ngày 27 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Nguyễn Nam Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1080/2024/TLPT-HS ngày 30 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo Lưu Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 455/2024/HS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Bị cáo không kháng cáo, bị kháng cáo:***

Lưu Thị T, sinh năm 1981 tại Hà Nội; nơi thường trú: thôn S, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Đình Đ; con bà Trịnh Thị L; chồng là Tạ Tuấn N (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 10/8/2023 tại Trại tạm giam số 2 - Công an thành phố H; Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Lê Thị Hải Y - Công ty L1, Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt.

**** Người bị hại có kháng cáo*:**

1. Chị Đinh Thị Hồng N1, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn X, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; Có mặt.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đinh Thị Hồng N1 và chị Đặng Thị H:*** Luật sư Bùi Thúy H1 và luật sư Phạm Anh T1 - Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H; Đều có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị hại chị Đặng Thị Vân D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Đình T2 không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 11/2021, do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân, Lưu Thị T đã đưa ra thông tin gian dối về việc T đang kinh doanh thuốc tân dược, que test Covid và rủ chị Đinh Thị Hồng N1, chị Đặng Thị H, chị Đặng Thị Vân D góp vốn cho T để cùng kinh doanh sẽ được Thơ trả lại tiền gốc và được chia lợi nhuận. Tin tưởng thông tin T đưa ra, chị N1, chị H, chị D đã chuyển tiền cho T để T tự kinh doanh. Sau khi nhận tiền, T không kinh doanh mà chiếm đoạt để trả nợ và chi tiêu cá nhân, cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Đinh Thị Hồng N1 số tiền 500.000.000 đồng:

Khoảng tháng 11/2021, Lưu Thị T đưa ra thông tin gian dối với chị Đinh Thị Hồng N1 là người quen của T về việc T đang kinh doanh que test C và rủ chị N1 góp 500.000.000 đồng để cùng kinh doanh, việc nhập hàng và bán hàng do T tự lo, sau 02 ngày sẽ được trả tiền gốc và tiền lãi. Tin tưởng T nên chị N1 đồng ý. Ngày 15/11/2021, chị N1 đưa cho T số tiền 500.000.000 đồng tại cửa hàng của chị N1 ở Đ, B, V, huyện T, Hà Nội, T viết Giấy nhận tiền ngày 15/11/2021, với nội dung: "*Lưu Thị T nhận của chị Đinh Thị Hồng N1 số tiền 500.000.000 đồng, chị N1 góp vốn cùng tôi với mục đích kinh doanh dược phẩm, ngày 17/11/2021 tôi xin hoàn trả lại số tiền trên cùng với lợi nhuận mà hai bên đã thỏa thuận*". Sau khi nhận tiền, T không thực hiện như cam kết mà chuyển số tiền trên vào tài khoản số 9990106031981 của T tại Ngân hàng M và cùng ngày 15/11/2021, T chuyển khoản từ tài khoản của T nêu trên đến tài khoản số 0916801530 của anh Trần Đình T2 tại Ngân hàng M số tiền 550.000.000 đồng (trong đó có 500.000.000 đồng T mới nhận của chị N1 và 50.000.000 đồng của T) để trả nợ cho anh T2. Đến ngày 17/11/2021, T không trả tiền gốc và không chia tiền lãi cho chị N1 theo như cam kết. Khi chị N1 tìm gặp T để hỏi thì T nói đã sử dụng số tiền trên của chị N1 để trả nợ chứ không dùng vào việc kinh doanh như cam kết.

- Tại Kết luận giám định số 6859 ngày 05/10/2022 của Phòng K - Công an thành phố H kết luận: "Chữ viết phần nội dung, chữ viết dòng họ tên Lưu Thị T trên Giấy nhận tiền ngày 15/11/2021 là chữ do Lưu Thị T viết ra"

- Kết quả xác minh tài khoản của Lưu Thị T số 9990106031981 tại Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh N2 và tài khoản của anh Trần Đình T2 số 0916801530 tại Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh L3 về việc chuyển tiền phù hợp với nội dung vụ án nêu trên.

- Đối với anh Trần Đình T2: Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2012 đến tháng 11/2021, anh Trần Đình T2 cho Lưu Thị T vay tiền nhiều lần tổng số là 8.170.000.000 đồng (chuyển khoản 25 lần từ tài khoản của anh T2 số 0916801530 tại Ngân hàng M đến tài khoản của T nêu trên) để kinh doanh thuốc tân dược. Anh T2 đòi tiền thì T đã chuyển khoản 26 lần từ tài khoản của T đến tài khoản của anh T2 nêu trên để trả lại tiền cho anh T2 tổng là 6.991.000.000 đồng (trong đó ngày 15/11/2021 T trả cho anh T2 550.000.000 đồng). Đối với số tiền T còn nợ anh T2 là 1.179.000.000 đồng, anh T2 không yêu cầu T phải bồi thường. Anh T2 không biết trong số tiền 550.000.000 đồng có 500.000.000 đồng là tiền Thơ chiếm đoạt của chị N1 nên cơ quan điều tra không thu hồi được (anh T2 khai đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này) và không có căn cứ xử lý về hình sự đối với anh T2.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Đặng Thị H số tiền 3.000.000.000 đồng:

Khoảng năm 2010, thông qua mối quan hệ xã hội, chị Đặng Thị H quen biết Lưu Thị Thơ . Đến năm 2018, do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Thơ đã nói dối chị H về việc T kinh doanh thuốc tân dược có lãi và rủ chị H góp vốn để cùng kinh doanh, việc nhập hàng và bán hàng do T chịu trách nhiệm. Chị H tin tưởng T nên đồng ý góp vốn cùng T để kinh doanh. Trong thời gian từ ngày 22/11/2018 đến ngày 17/6/2021 chị H đã chuyển tiền 9 lần cho T với tổng số tiền là 3.000.000.000 đồng bằng hình thức đưa tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản của T số 9990106031981 tại Ngân hàng M (đưa tiền mặt 2.100.000.000 đồng, chuyển khoản 900.000.000 đồng). Trong đó ngày 20/3/2021, chị H đưa cho T số tiền 1.200.000.000 đồng để góp vốn kinh doanh dược phẩm nhưng T viết Giấy vay tiền ngày 20/3/2021, với nội dung: "*Lưu Thị T vay của chị Đặng Thị H 1.200.000.000 đồng với mục đích để kinh doanh dược phẩm*". Đến ngày 01/12/2021, chị H yêu cầu T trả lại số tiền 03 tỷ đồng nhưng T không trả mà chỉ viết cho chị H 01 Giấy vay tiền với nội dung: "*Lưu Thị T có vay của chị Đặng Thị H 3.000.000.000 đồng*". Toàn bộ số tiền nhận của chị H, Lưu Thị T không sử dụng để kinh doanh thuốc tân dược như cam kết mà chiếm đoạt để trả nợ và chi tiêu cá nhân.

- Tại Kết luận giám định số 6859 ngày 05/10/2022 của Phòng K - Công an thành phố H kết luận: Chữ viết phần nội dung, chữ viết dòng họ tên Lưu Thị T trên Giấy vay tiền ngày 20/3/2021 là chữ do Lưu Thị T viết ra.

- Tại Kết luận giám định số 7998 ngày 11/12/2023 của Phòng K - Công an

thành phố H kết luận: Chữ viết đứng tên Lưu Thị T trên Giấy vay tiền ngày 01/12/2021 là chữ do Lưu Thị T viết ra.

- Tại cơ quan điều tra, Lưu Thị T khai: Sau khi nhận tiền góp vốn của chị H, T viết cho chị H 02 Giấy vay tiền ngày 20/3/2021 và ngày 01/12/2021 nhưng thực tế không phải T vay tiền của chị H mà chị H góp vốn cùng với T để kinh doanh dược phẩm, nhưng sau khi nhận tiền T không sử dụng tiền của chị H để kinh doanh dược phẩm như cam kết mà sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân.

- Chị Đặng Thị H khai: Sau khi góp vốn để cùng T kinh doanh dược phẩm, đến ngày 20/3/2021 và ngày 01/12/2021, T có viết cho chị H 02 Giấy vay tiền nhưng thực tế không phải là vay mượn mà đều là tiền góp vốn để kinh doanh dược phẩm. Đến thời hạn trả tiền, T không trả, chị H đòi tiền thì T thừa nhận không sử dụng tiền để kinh doanh dược phẩm mà sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt của chị Đặng Thị Vân D số tiền 2.200.000.000 đồng:

Chị Đặng Thị Vân D và Lưu Thị T có quan hệ họ hàng với nhau. Khoảng năm 2019, chị D làm thuê cho Lưu Thị T tại quầy thuốc tân dược của Lưu Thị T tại chợ T3 tại phố V, quận T, thành phố Hà Nội. Do cần tiền trả nợ, chi tiêu cá nhân nên Thơ nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị D, T đưa ra thông tin gian dối về việc kinh doanh thuốc tân dược có lãi và rủ chị D góp vốn cùng kinh doanh chung sẽ được chia tiền lãi. Tin tưởng T, chị D đồng ý góp tiền cho T để T chủ động kinh doanh. Trong thời gian từ ngày 02/9/2019 đến ngày 10/02/2021 chị D đã 09 lần chuyển tiền góp vốn cho T tổng số tiền là 2.200.000.000 đồng (bằng hình thức giao tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản của T nêu trên). Ngày 01/10/2021, T viết cho chị D 01 Giấy nhận tiền, với nội dung "*Lưu Thị T nhận của chị Đặng Thị Vân D 2,2 tỷ đồng, chị D góp vốn cùng Thơ với mục đích kinh doanh dược phẩm*". Sau khi nhận tiền, Lưu Thị T không sử dụng tiền để kinh doanh dược phẩm như cam kết mà chiếm đoạt để trả nợ và chi tiêu cá nhân.

- Tại Kết luận giám định số 6859 ngày 05/10/2022 của Phòng K - Công an thành phố H kết luận: "Chữ viết phần nội dung, chữ viết dòng họ tên Lưu Thị T trên Giấy vay tiền ngày 01/10/2021 là chữ do Lưu Thị T viết ra".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 455/2024/HS-ST ngày 16/8/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

[1] Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lưu Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Thị T 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2023.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Lưu Thị T phải trả lại cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt, cụ thể:

Trả lại cho chị Đinh Thị Hồng N1 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng;

Trả lại cho chị Đặng Thị H 3.000.000.000 (Ba tỷ) đồng;

Trả lại cho chị Đặng Thị Vân D 2.200.000.000 (Hai tỷ hai trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2024 và ngày 22/8/2024, bị hại chị Đinh Thị Hồng N1 và chị Đặng Thị H có đơn kháng cáo đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Lưu Thị T và xem xét về nguồn tiền bị cáo chiếm đoạt chuyển đi đâu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại chị Đinh Thị Hồng N1 vắng mặt và thông qua luật sư gửi đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn chị N1 giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị tăng nặng hình phạt tù và xem xét các giao dịch chuyển tiền của bị cáo. Bị hại chị Đặng Thị H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, giữ nguyên lời trình bày tại giai đoạn sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo Lưu Thị Thơ .

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo T chiếm đoạt số tiền lớn ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của các bị hại, thể hiện thái độ không ăn năn hối cải, bị cáo lợi dụng tình trạng dịch bệnh để phạm tội, đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo; đồng thời đề nghị xem xét dòng tiền bị cáo chuyển cho tài khoản số 1142600320001 tại Ngân hàng TMCP Q (M) để làm rõ có người đồng phạm, hay số tiền chuyển đi đâu để trả lại cho người bị hại.

Bị cáo Lưu Thị T trình bày do bị cáo nợ nần nên số tiền người bị hại góp vốn bị cáo đã không sử dụng đúng mục đích mà đem đi trả nợ và tiêu dùng hết. Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về làm ăn trả lại cho người bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: bị cáo đã thành khẩn nên trình bày là vay tiền để trả nợ, tài khoản chuyển đến cho người khác cũng là trả nợ, nên cũng không cần thiết phải xem xét đối với tài khoản bị cáo đã chuyển tiền đi, tương tự như trường hợp anh T2 nhận chuyển khoản từ bị cáo, nhưng cũng xác định là nhận tiền trả nợ và sử dụng hết. Luật sư cho rằng bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng là lợi dụng tình hình dịch bệnh để phạm tội vì người bị hại cùng bị cáo góp tiền để kinh doanh. Do nợ nần nên bị cáo đã lấy tiền đó trả cho người khác mà không trả được những người bị hại, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở về lao động kiếm tiền trả lại cho người bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị hại trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Xét nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lưu Thị T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là đúng. Do bị cáo thành khẩn khai nhận tội, thái độ ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Số tiền bị cáo chiếm đoạt lớn chưa bồi thường cho người bị hại, do đó phần hình phạt Toà án cấp sơ thẩm quyết định đã phù hợp. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo tăng hình phạt của các bị hại và kháng cáo đề nghị làm rõ khoản tiền đã chuyển để thu hồi trả người bị hại hoặc xem xét có đồng phạm khác, Hội đồng xét xử thấy: Các tài liệu chứng cứ và lời nhận tội của bị cáo tại phiên toà phúc thẩm, xác định được Toà án cấp sở thẩm xét xử bị cáo Lưu Thị T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân bị cáo, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và hình phạt Toà án cấp sơ thẩm quyết định đối với bị cáo: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 03 bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội từ 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về đề nghị xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm n khoản1 Điều 52 Bộ luật hình sự: xét thấy bị cáo vay tiền của chị D từ

năm 2018, chị H năm 2019 trước khi dịch bệnh, đồng thời khi vay tiền của các bị hại, bị cáo nói là vay để kinh doanh dược phẩm (trong đó có que thử Covid 19) nên Tòa án cấp sơ thẩm không bị áp dụng tình tiết tăng nặng này là có căn cứ. Tuy nhiên bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi chỉ căn cứ vào bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự. Bị cáo không được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, thân thích của bị cáo không có ai là liệt sĩ, hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự… hoặc có tình tiết tương tự theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2000 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Bất kỳ một công dân nào cũng phải có nghĩa vụ sống chấp hành theo Hiến pháp và pháp luật, để không bị xử lý hình sự, hành chính. Do đó, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này chưa phù hợp, cần phải rút kinh nghiệm. Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó còn gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại lớn, chưa bồi thường khắc phục nên Toà án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo mức hình phạt 15 năm tù là tương xứng, có tác dụng răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung. Do bị cáo không còn tài sản riêng nên Toà án cấp sơ thẩm không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng không làm rõ được số tiền và tài khoản bị cáo chuyển đến. Hơn nữa, bị cáo cũng đã thành khẩn khai nhận ngay từ đầu là vay tiền để trả nợ, tài khoản chuyển đến cho người khác cũng là trả nợ, nên cũng không thể làm rõ hơn được. Lời trình bày của Luật sư bào chữa cho bị cáo về vấn đề này có căn cứ, nên kháng cáo của bị hại về vấn đề này không được chấp nhận.

[4]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm.

[5]. Về các vấn đề khác: Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Tuy kháng cáo không được chấp nhận, nhưng người bị hại không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại chị Đinh Thị Hồng N1, chị Đặng Thị H; Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 455/2024/HS-ST ngày 16/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về hình phạt đối với bị cáo Lưu Thị T, cụ thể như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Lưu Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lưu Thị T 15 (Mười lăm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 10/8/2023.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Án phí: Chị Đinh Thị Hồng N1 và chị Đặng Thị H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội (2 bản);
- VKSND Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Cơ quan CSĐT - CATP Hà Nội;
- TTG số 2 - CATP Hà Nội;
- Bị cáo (qua TTG);
- Các bị hại, luật sư (theo đ/c);
- Lưu: P. HCTP, HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến